

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**CHỮ “HIẾU” TỪ TÍN NGƯỠNG PHỒN THỰC CỔ XƯA
ĐẾN ĐẠO ĐỨC VĂN MINH HIỆN ĐẠI**

HÀ THỨC MINH^{*}

Việt Nam cũng như ở nhiều nước Phương Đông khác, gia đình theo cách hiểu xưa nay, gồm vợ chồng, con cái. Gia đình hầu như xuất hiện cùng với chế độ phụ hệ, vào khoảng cuối của xã hội thị tộc. Gia đình phụ hệ hình thành từ cơ sở kinh tế - xã hội, nói như Ăngghen, đó là sản phẩm của chế độ tư hữu. Nhà nước phong kiến chẳng qua cũng là tư hữu của tư hữu, cho nên điểm tựa của nó chính là gia đình. Quan hệ luân thường của xã hội đẳng cấp tuy bao gồm cả hệ thống ngang lẫn hệ thống dọc, nhưng đã là đẳng cấp thì đương nhiên mục tiêu của nó không phải là hệ thống ngang mà chính là hệ thống dọc. Có ba quan hệ cơ bản theo hệ thống dọc được gọi là “tam cương”, đó là vua - tôi, cha - con, chồng - vợ. Ba quan hệ này được giữ vững thì mọi quan hệ khác cũng tự nhiên sẽ đầu vào đấy. Trong ba quan hệ đó, có hai quan hệ thuộc gia đình, đó là cha - con và chồng - vợ (phụ vi tử cương, phu vi thê cương). Cho nên tề gia là điều kiện tiên quyết để trị quốc. Quan hệ cha - con, chồng - vợ trong gia đình thuộc lĩnh vực “gia quy”, còn quan hệ vua - tôi mới là quan hệ “quốc pháp”. Sự thống nhất giữa “nhà” và “nước” cần thiết như thế nào thì sự thống nhất giữa “quy” và “pháp” cần thiết như thế ấy.

Nhiều học giả cho rằng, sự xuất hiện của gia đình ở Phương Đông liên quan

nhiều đến tín ngưỡng phồn thực. Tín ngưỡng phồn thực cổ xưa thể hiện ở kết cấu của chữ “hiếu”. Hơn ba nghìn năm trước đây, trong văn tự Giáp cốt đời Thương - Chu đã có chữ “hiếu”. Có nghĩa là quan niệm về “hiếu” đã có trước đó. Theo các nhà khảo cứu văn tự cổ của Trung Quốc⁽¹⁾ thì chữ “hiếu” kết cấu theo thể loại “hội ý”, nghĩa là chữ viết phản ánh cả một quan niệm của xã hội. Phía trên của chữ “hiếu” tượng trưng nam nữ giao phối, phía dưới là chữ “tử”, có nghĩa là đứa con, kết quả của giao phối. Hoạt động sơ đẳng “tự nhiên” này trở thành điều kiện tối quan trọng đối với sự sống còn của nhân loại. Tín ngưỡng phồn thực liên quan đến ý thức tôn trọng sự sống, cho nên sách *Lễ kí*, thiên *Tế nghĩa* cũng giải thích “hiếu” theo xu hướng đó:

“Cây cối chặt phá cũng phải đúng lúc, cầm thú giết chóc cũng phải đúng thời điểm. Khổng Tử nói: chặt một cái cây, giết một con thú không đúng thời điểm, như vậy không thể gọi là hiếu được” (Thụ mộc dĩ thời phạt yên, cầm thú dĩ thời sát yên. Phu Tử viết: đoạn nhất thụ, sát nhất thú, bất dĩ kì thời, phi hiếu dã).

*. PGS., Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Tp. Hồ Chí Minh.

1. Xem: Trương Lệ Hồng. *Nguồn gốc chữ “Hiếu” và giá trị hiện đại*. Trung Hoa hiệu văn hoá chuyên tập. Ngũ Châu văn minh xuất bản, 2004, tr. 71.

Con người vừa có thuộc tính tự nhiên vừa có thuộc tính xã hội, cho nên gia đình cũng vừa là tự nhiên vừa là xã hội. Thực ra quan điểm duy vật mác-xít cũng không phủ nhận điều này. Khi cho rằng gia đình là sản phẩm của sản xuất-kinh tế, Ăngghen lưu ý rằng:

“Theo quan điểm duy vật, nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt, ra thức ăn, quần áo và nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền giống nòi”²⁾.

Trên đời này không có đạo đức nào lớn hơn là tạo ra sự sống (đại đức viết sinh). Do đó, ai phá hoại sự sống bị xem là “bất hiếu” đã đành, ai không tiếp tục “tạo” ra sự sống thì người đó cũng bị xem là “bất hiếu”. Cho nên, không phải vô cớ mà Mạnh Tử tuyên bố rằng “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (có ba điều bất hiếu, điều bất hiếu lớn nhất là không có con). “Thận chung, truy viễn” (nhờ đến tổ tiên và duy trì giống nòi) mà Khổng Tử thường nhắc đến đã trở thành lễ sống bất di bất dịch của gia đình thời xưa. Cúng bái tổ tiên là hiện tượng ít nhiều liên quan đến tín ngưỡng phồn thực. Hạt giống tín ngưỡng phồn thực này ở những mảnh đất khác nhau mọc thành những cây khác nhau. Ở Việt Nam, nên xem đó là hiện tượng tín ngưỡng – xã hội hơn là tín ngưỡng – tôn giáo. Cúng bái tổ tiên chủ yếu là biểu hiện “bên ngoài” của “hiếu” bên trong. Thành kính đối với ông bà là biểu hiện “siêu việt nội tại” chứ không phải là “siêu nhiên ngoại tại”, không phải là sự tha hoá của con người. Không phải bất kì đời sống tâm linh nào cũng thuộc về tôn giáo. Như vậy, chữ “hiếu” vừa có tính tự nhiên, vừa có tính

xã hội, hay nói cách khác, khi trở thành văn hoá - xã hội thì chính nó lại cần phải “tách” khỏi tự nhiên. Cho nên khi để tang cha mẹ thì không được quan hệ vợ chồng. Không có con là bất hiếu, nhưng khi tang cha mẹ, không được quan hệ vợ chồng, chẳng may chưa hết thời hạn để tang đã qua đời thì có thể vừa là “có hiếu” vừa là “bất hiếu”. Mâu thuẫn này thường được xã hội phong kiến Việt Nam “châm chước” theo “tự nhiên”, trong khi xã hội phong kiến Trung Quốc lại tuân thủ nghiêm ngặt theo lễ giáo “phi tự nhiên”.

Chữ “hiếu” cũng có nguồn gốc quan hệ huyết thống tự nhiên, ý thức huyết thống liên quan đến tín ngưỡng phồn thực. Tín ngưỡng phồn thực xem trọng sự sinh sôi, nảy nở, ý thức huyết thống xem trọng “chuẩn” của sinh sôi nảy nở. Cha mẹ, con cái đương nhiên có quan hệ huyết thống gần nhất. Quan hệ này không chỉ con người mới có, hầu hết các động vật đều có “tình cảm” trong quan hệ huyết thống. Cho dù là thú vật đi nữa, chẳng có mẹ nào mà không biết thương yêu che chở cho con. Chẳng phải là người ta thường nói “cọp dữ cũng không ăn thịt con” đó sao? “Tình cảm tự nhiên” hay “tình cảm bản năng” không cần ai giáo dục cả. Chính cái “tự nhiên không cần ai giáo dục” này không phải tùy tiện bỏ đi cũng như chẳng dễ dàng chút nào để tạo ra nó. Chính “cái tự nhiên” này đang làm đau đầu ngay cả những viện Hàn lâm khoa học hàng đầu thế giới khi muốn tạo ra những rô-bốt giống như con người. Cho dù khoa học có phát triển đến đâu đi nữa thì cái “tự nhiên” do khoa học tạo ra cũng chẳng bao giờ là “tự nhiên” cả. Khoa học chỉ được phép “bất chước” tự nhiên chứ chưa được phép “thay thế” tự nhiên. Tự nhiên có quy định, có luật của tự nhiên.

2. C. Mác – Ph. Ăngghen. Tuyển tập. Tập 4. Nxb Sự Thật, Hà Nội 1984, tr. 26.

Luật sinh tồn tự nhiên "quy định" mẹ thương con chứ không "quy định" con thương mẹ, càng không "yêu cầu" con thương cha, bởi vì chính nó cũng không biết cha nó là ai. Chữ "hiếu" của con người vừa xuất xứ từ gốc rễ tự nhiên nhưng đồng thời khi được mệnh danh là "văn hoá" thì lại tự "tách" khỏi tự nhiên bằng cách "quy định" con người phải khác con vật ở chỗ con người phải biết thương cha, thương mẹ. Ngay ở con người cũng chẳng phải dễ dàng thực hiện được điều đó, bởi vì "nước mắt chảy xuôi" chứ đâu có chảy ngược. Như vậy, chữ "hiếu" vốn bao hàm ba nghĩa: cúng bái để tỏ lòng tưởng nhớ đến tổ tiên, sinh con đẻ cái để kế tục giống nòi, phụng dưỡng cha mẹ. Văn hoá chữ "hiếu" của Phương Đông dựa trên quan hệ huyết thống ân sâu bển rộng từ nghìn đời và vẫn tồn tại cho đến tận ngày nay. Phải chăng tính bảo thủ của ý thức huyết thống gia đình ở Phương Đông tồn tại lâu dài như vậy là do nguyên nhân kinh tế như Ăngghen nhận xét:

"Lao động càng ít phát triển, khối lượng sản phẩm của lao động và do đó, của cải của xã hội càng bị hạn chế thì chế độ xã hội tỏ ra bị quan hệ dòng máu chi phối càng mạnh mẽ hơn"⁽³⁾.

Nếu là như vậy, đến lúc nào đó, kinh tế phát triển thì "xã hội cũ dựa trên quan hệ dòng máu bị nổ tung" và "một xã hội mới thay thế nó, được tổ chức thành quốc gia, mà đơn vị cơ sở không phải là những liên minh dựa trên quan hệ dòng máu nữa"⁽⁴⁾.

Có lẽ kinh tế thị trường hiện nay đang xúc tiến điều đó và đang bộc lộ mâu thuẫn chưa có cách gì giải quyết được với truyền thống văn hoá chữ "hiếu" dựa trên quan hệ dòng máu bền chặt hơn Phương Tây nhiều.

"Văn hoá chữ hiếu" dựa trên quan hệ huyết thống, dòng họ cho nên thuộc loại

hình "văn hoá quần thể". "Văn hoá quần thể" hoà tan cá nhân vào gia đình và dòng họ trong khi "văn hoá cá thể" cùng với sự mờ nhạt về ý thức huyết thống ở Phương Tây lại chỉ quan tâm đặt cá nhân trong quan hệ đối thoại với xã hội, với pháp luật. Sự mờ nhạt về ý thức huyết thống này ít nhiều cũng đã xuất hiện ngay từ trong *Kinh Thánh*:

"Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời"⁽⁵⁾.

"Ai phạm tội kẻ ấy phải chết; con không mang lấy tội của cha; cha cũng không mang lấy tội của con"⁽⁶⁾.

"Một môn đệ khác thưa với Người: Thưa Ngài, xin phép cho con được về chôn cất cha con trước đã, Đức Giêsu bảo: Anh hãy đi theo tôi, cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ"⁽⁷⁾.

Có lẽ vì vậy nên nhà nước pháp quyền trần tục ở Phương Tây chỉ cần có không gian thống nhất chứ không quan tâm nhiều đến dòng họ thống nhất. Ngược lại với "văn hoá cá thể" Phương Tây, "văn hoá quần thể" của Việt Nam vẫn ngu quên bởi những vị vua "Thái tổ", "Thái tông" mang nặng dấu ấn huyết thống.

Quan hệ huyết thống là miền đất hứa của chữ "hiếu". Phật giáo ở Ấn Độ không xem "hiếu" là nền tảng của đạo đức như Nho giáo. Kỳ Chí Tường có lí khi nhận xét

3. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*. Tập IV. Nxb Sự Thật, Hà Nội 1984, tr. 26.

4. Sđd, tr. 26-27.

5. *Kinh Thánh*. Nxb TP. Hồ Chí Minh 1998, tr. 1886, Mt 23,8.

6. Sđd, tr. 1640. Ed 18,20.

7. Sđd, tr. 1857. Mt 8,21-22. Trong *Kinh Thánh* không phải không yêu cầu thờ kính cha mẹ, nhưng văn hoá *Kinh Thánh* không phải là văn hoá chữ "hiếu". Xem: Đồng Nai Cường. *Về tư tưởng "hiếu" của Khổng Tử*. Trung Hoa hiệu văn hoá chuyên tập. Ngũ Châu văn minh xuất bản xã, 2004, tr. 118.

ràng, quan niệm đạo đức của Phật giáo Ấn Độ khác về cơ bản với quan niệm đạo đức Nho giáo ở chỗ Phật giáo cho rằng “cảnh giới đạo đức cao nhất là đạo đức ngược lại với đạo đức thế tục”⁽⁸⁾. Chữ “hiếu” của Nho giáo thuộc “văn hoá trần tục” còn đạo đức của Phật giáo thuộc “văn hoá siêu trần tục”. Phật giáo tuy cũng đề cập đến “tứ ân”, trong đó ân cha mẹ được đặt ở hàng đầu, nhưng “ân” và “báo ân” của Phật giáo không cùng một nội dung với “hiếu” và “báo hiếu” của Nho giáo⁽⁹⁾. Tuy nhiên, khi đã “nhập gia phải tùy tục”, huống hồ Phật giáo đã “nhập gia” không dưới hai nghìn năm lịch sử. Cho nên Kinh *Vu lan* (Ullambanasutra) được chú thích thành *Hiếu kinh Phật giáo* cũng chẳng có gì là lạ. Trong kinh điển của Phật giáo Ấn Độ chẳng tìm thấy nhưng lại xuất hiện ở xứ sở Nho giáo cái gọi là *Kinh Phụ mẫu ân trọng*. Hoặc trong bản dịch Kinh *Phạm võng* (Barhamajalasutra) của Cư Ma La Thập lại bình luận Phật Thích Ca như là người con “hiếu thuận cha mẹ”, lại đồng nghĩa chữ “hiếu” của Nho giáo với chữ “giới” của Phật giáo, v.v... Thế mới biết “tập tục” chữ “hiếu” ở khu vực văn hoá Nho giáo sâu sắc như thế nào.

Nói đến quan hệ huyết thống thì có lẽ lại phải trở về với truyền thuyết chiếc bọc trăm trứng mà sau này thường gọi là “đồng bào”, từ Lạc Long Quân và Âu Cơ. Nếu “gần hơn” thì phải tính từ thời đại các vua Hùng. Bánh chưng, bánh giầy tượng trưng cho Trời, Đất và cũng tượng trưng cho chữ “hiếu” của con cái đối với công ơn Trời Đất của cha mẹ. Hai bộ luật nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam là Bộ luật Hồng Đức thế kỉ XV và Bộ luật Gia Long thế kỉ XIX đều bắt đầu từ quan hệ huyết thống, từ chữ “hiếu”, đều xem bất hiếu là một trong cái gọi là “thập ác”, là “đại nghịch vô đạo”. Chẳng vậy mà Nguyễn Trãi ở thế kỉ XV cho rằng nếu có

vứt bỏ cái gì thì vứt bỏ, có quên cái gì thì quên chứ không thể quên chữ “hiếu” được:

“Bui có một lòng trung liễn hiếu

Mài chẳng khuyết nhuộm chẳng đen”

Đến thế kỉ XIX, khi đất nước đứng trước hoạ xâm lăng, hình như Tự Đức thấy được chữ “hiếu” ít nhiều cũng có giá trị chống lại tàu đồng, súng đại bác của thực dân Pháp. Tự Đức không phải chỉ đặt vấn đề “quên” hay “nhớ” như Nguyễn Trãi, mà còn quyết liệt hơn ở chỗ cho rằng cần phải “chết” vì “trung” và “hiếu”, chỉ có chết vì “trung” và “hiếu” thì mới được xem là cái chết chính đáng nhất:

“Đại phạm kẻ bề tôi, chết là chết vì chữ “trung”, người làm con, chết là chết vì chữ “hiếu”. Đó là đạo lí của trời đất từ cổ chí kim” (*Biện đắc nhất tử luận*).

Bản thân Tự Đức cũng nổi tiếng là ông vua hiếu thảo có một không hai trong lịch sử. Cũng vào thời điểm đó, người dân Nam Bộ tuy chẳng dựa vào sách thánh hiền nào cả để đánh Tây, nhưng hình như chữ “hiếu” cũng là lực đẩy cho cái gọi là đạo “Hiếu nghĩa” (Tứ ân hiếu nghĩa) đứng lên chống quân xâm lược. Nên nhớ “đạo” được gọi là “Hiếu nghĩa” chứ không phải là “Hiếu trung”. Bởi vì một khi triều đình không thống nhất với dân (Triều đình khi dân) thì chữ “hiếu” làm sao có thể thống nhất với chữ “trung” được.

Như vậy là quan niệm về “hiếu” đã xuất hiện từ lâu và trở thành một phần không thể thiếu của truyền thống văn hoá nước ta chứ không phải là sản phẩm du nhập từ bất cứ nước nào khác. Có điều văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của văn hoá Trung Hoa cho nên chữ

8. Kỳ Chí Tường. *Phật học và văn hoá Trung Quốc*. Học Lâm xuất bản xã 2000, tr. 355.

9. Xem: *Kinh Tâm địa quán*. Quyển 2. Tứ ân gồm ân cha mẹ, ân quân vương, ân chúng sinh và ân Tam bảo.

"hiếu" đương nhiên càng về sau càng không thể không pha trộn với quan niệm chữ "hiếu" Trung Hoa.

Sách *Hiếu kinh* được phương Tây gọi là *Kinh Thánh của Phương Đông* (The Sacred Books of the East) là cuốn sách sớm nhất hệ thống hoá chữ "hiếu" thành mẫu mực cho muôn đời sau:

"Hiếu là cái gốc của đạo đức, giáo hoá bắt đầu mà ra" (Phù hiếu, đức chi bản dã, giáo chi sở do sinh dã. *Hiếu kinh*).

"Việc đầu tiên của "hiếu" là không được huỷ hoại thể xác, da tóc do cha mẹ sinh ra. Việc cuối cùng của chữ "hiếu" là thực hành đạo lí, làm nên sự nghiệp lưu danh hậu thế, vẻ vang cho cha mẹ" (Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu, bất cảm huỷ thương, hiếu chi thuỷ dã. Lập thân hành đạo danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi trung dã. *Hiếu kinh*).

Như vậy là, người xưa thường giáo dục luân thường đạo lí bắt đầu từ cái gần nhất, thấp nhất chứ không phải bắt đầu từ cái xa nhất, cao nhất. Ngày nay hình như người ta thường làm ngược lại.

"Dạy dân biết thương yêu nhau không gì bằng dạy cho họ chữ hiếu" (Giáo dân thân ái mạc thiện ư hiếu, *Hiếu kinh*).

Sách *Thuyết văn* tóm lược nội dung chủ yếu của chữ "hiếu" là "Thờ mẹ, kính cha trọn đạo" (Thiện sự phụ mẫu).

"Trọn đạo" ở đây được khái quát thành bốn chữ: "dưỡng" (nuôi nấng), "kính" (thái độ kính trọng), "gián" (can gián những điều sai), "thuận" (chiều theo, không làm trái ý)⁽¹⁰⁾.

Dương Vinh Quốc cho rằng chữ "hiếu" chữ "khảo", và chữ "lão", trong cổ văn thường dùng lẫn lộn. Sở dĩ như vậy là vì "hiếu" là thờ phụng tổ tiên (tổ khảo), kính trọng người già "lão". "Hiếu" còn lẫn lộn với "giáo" bởi vì nội dung chủ yếu của "giáo" (giáo dục đạo đức, chính trị) là chữ

"hiếu"⁽¹¹⁾. Nho giáo xem chữ "hiếu" là hòn đá tảng của đạo đức nhân ái, hay nói cách khác, toàn bộ kiến trúc Nho giáo được xây dựng trên nền tảng chữ "hiếu". Có nghĩa là chính trị vững vàng hay không phụ thuộc vào đạo đức, đạo đức ổn định hay không, phụ thuộc vào chữ "hiếu". Học trò của Khổng Tử là Hữu Nhược đã nói rất đúng ý của thầy:

"Trên đời này ít có người nào vốn hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng huynh trưởng mà lại thích xúc phạm cấp trên. Nếu đã không thích xúc phạm cấp trên thì không đời nào lại làm loạn cả. Người quân tử phải giữ lấy cái gốc, gốc vững thì đạo lí tự khắc hình thành. Cho nên hiếu để chính là cái gốc của học thuyết nhân" (Kì vi nhân dã hiếu để nhi háo phạm thượng giả, tiên hi! Bất háo phạm thượng nhi háo tác loạn, vị chi hữu dã. Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu để giả kì vi nhân chi bản dư).

Như vậy, chỗ dựa vững chắc của hệ thống chính trị phong kiến là chữ "hiếu". Chữ "hiếu" hướng về chế độ phong kiến bao nhiêu thì chế độ phong kiến cũng hướng về chữ "hiếu" bấy nhiêu. Chế độ phong kiến càng lỗi thời, nội dung của chữ "hiếu" càng lạc hậu, bảo thủ bấy nhiêu. Nhưng dù sao tính nhân văn của nó vẫn tồn tại suốt chiều dài lịch sử của xã hội Phương Đông. Vì vậy, nên Tôn Trung Sơn, nhà cách mạng đã từng lật đổ vương triều phong kiến cuối cùng của Trung Quốc, cũng thừa nhận rằng:

"Chỉ có giáo dục đạo đức luân lí thì quốc gia mới có thể thịnh trị, yên ổn lâu dài. Hiếu là đạo đức thích hợp mọi nơi, mọi chỗ. Không thể không nói đến chữ

10. Xem: An Tác Chương, *Thuyết "hiếu"*. Trung Hoa hiếu văn hoá chuyên tập. Ngũ Châu văn minh xuất bản xã 2004, tr. 46.

11. Dương Vinh Quốc. *Trung Quốc cổ đại tư tưởng sử*. Nhân dân xuất bản xã 1954, tr. 11-12.

hiếu được" (*Tuyển tập Tôn Trung Sơn*).

Năm 1948, vào buổi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh cũng viết hai câu thơ chữ Hán tặng cụ Võ Liêm Sơn, nói đến "trung" và "hiếu":

*"Sự dân nguyện tận hiếu
Sự quốc nguyện tận trung"
(Thờ dân trọn đạo hiếu,
Thờ nước trọn đạo trung).*

Hồ Chí Minh là người đầu tiên nói đến "hiếu với dân". Thoạt nghe có vẻ hơi lạ, bởi vì thói quen xưa nay vẫn đóng khung chữ "hiếu" trong quan hệ huyết thống giữa cha mẹ và con cái. Nhưng thực ra, "hiếu với dân" không phải là cách nói có tính ngẫu nhiên mà chính là có ba ý nghĩa quan trọng: Thứ nhất, không cực đoan vứt bỏ mọi khái niệm được xem là đồng nhất với xã hội phong kiến, điều mà không ít người đã quan niệm như vậy. Thứ hai, là phát huy tính nhân văn trong quan hệ giữa người với người. Thứ ba, là xác định mục đích của cách mạng là vì dân.

Như vậy, chữ "hiếu" còn có nghĩa rộng là thích sự sống, ghét điều chết" (hiếu sinh, ố tử) chứ không phải chỉ bó hẹp trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái. "Hiếu" với cha mẹ là dựa trên quan hệ huyết thống hẹp, "hiếu" với dân dựa trên quan hệ huyết thống rộng - đồng bào.

Chữ "hiếu" không đồng nhất với xã hội phong kiến. Chế độ gia trưởng độc đoán, chế độ quân chủ đẳng cấp bất bình đẳng là mục tiêu hướng tới của chữ "hiếu" trong quá khứ. Nhà nước phong kiến "đứng trên xã hội và ngày càng xa rời xã hội" đã bóp méo chữ "hiếu" thành chữ "ngu trung", "ngu hiếu", tước đoạt giá trị nhân văn vốn có của nó. Kinh tế thị trường là hoạt động chủ yếu của xã hội văn minh hiện đại. Không phải mọi cái tốt đẹp đều quy công cho kinh tế thị

trường cũng như không phải mọi cái xấu xa đều là sản phẩm của nó. Tuy nhiên, nếu xã hội văn minh lại đi chệch hướng, xem "của cải là mục tiêu cuối cùng và duy nhất". Hay là:

"Lòng tham lam, dê tiện là linh hồn của thời đại văn minh từ ngày đầu của thời đại ấy cho đến tận ngày nay; giàu có, giàu có nữa và luôn luôn giàu có thêm, không phải là sự giàu có của xã hội mà là sự giàu có của cá nhân riêng rẽ"⁽¹²⁾.

Chữ "hiếu" phải chăng cũng là bài thuốc để chữa căn bệnh quá thiên về "mục tiêu của cải"⁽¹³⁾ của xã hội văn minh hiện nay?

Nếu "hiếu" là chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, thì càng cần thiết đối với xã hội mà tỉ lệ người già ngày một tăng, nhưng tỉ lệ tự tử ở họ cũng tăng theo với sự tăng trưởng của cải xã hội. Nếu "công bằng" là nguyên tắc, là mơ ước bao đời của nhân loại thì cũng đừng quên rằng, công bằng đối với người cao tuổi cũng là nội dung không thể thiếu của cái gọi là công bằng. Đừng để người cao tuổi trở thành "tồn tại quá khứ". Tuyệt đối hoá tuổi già cũng như tuyệt đối hoá tuổi trẻ đều sai lầm như nhau. Nếu bình đẳng về giới tính là biểu hiện tiến bộ của nhân loại thì công bằng về tuổi tác có lẽ cũng là lời nhắc nhở chân tình của thời đại văn minh kĩ thuật này. Chữ "hiếu" là nội dung không thể thiếu của bản tuyên ngôn về công bằng, về tình thương, về hoà mục gia đình và ổn định xã hội. "Hiếu với dân" vừa là sự mở rộng của chữ "hiếu" vừa là sự kết hợp một cách tinh tế giữa truyền thống và hiện đại./.

12. C. Mác. Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*. Nxb Sự Thật 1984, tr. 271.

13. Sđd, tr. 273.